

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/2025/DS-ST**
Ngày: 27/5/2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Ông Đặng Hoàng Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận: Ông Nguyễn Tri
Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
238/2024/TLST-DS ngày 21/11/2024 việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Á, sinh năm
1971; cùng địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *có mặt*

Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh
Kiên Giang (*vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Minh K, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V,
tỉnh Kiên Giang. (*vắng mặt*)

Ông Trần Minh N (N1), sinh năm 1994; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên
Giang. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2024 và các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông có cho vợ chồng ông T và bà N2 (bà N2 đã chết 2022 và ông T, bà N2 có 2 người con là K và N - tên thường gọi là N1) vay tiền để xoay sở lúc khó khăn. Nên vào ngày 29/12/2021 (âm lịch) có cho vợ chồng ông T, bà N2 vay số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến tháng giêng năm 2022 sẽ trả, khi vay thì có làm giấy tay và hiện nay ông L, bà Á đang giữ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì anh Trần Minh N (Nhớ) có đứng ra trả nợ được 25.000.000 đồng, số tiền còn lại hứa đến tháng 5/2022 sẽ trả đủ nhưng đến nay ông T chỉ có thanh toán thêm được 7.000.000 đồng, còn nợ số tiền 18.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông L và bà Á yêu cầu buộc ông Trần Minh T trả cho vợ chồng ông L bà Á số tiền còn nợ lại là 18.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trước đây tại đơn khởi kiện ông bà yêu cầu anh K, anh N cùng liên đới trả nợ nay rút toàn bộ yêu cầu anh K, anh N cùng liên đới trả.

Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh K, ông Trần Minh N (Nhớ) vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ánh . Buộc ông Trần Minh T trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ánh . Đối với việc nguyên đơn ông L, bà Á rút yêu cầu khởi kiện buộc các con ông T là anh K, anh N cùng liên đới trả nợ đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Minh T là bị đơn; ông Trần Minh K, Trần Minh N (N) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T, ông K, ông N (Nhớ).

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền vay. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á có cho vợ chồng ông Trần Minh T và bà Trần Thị N2 vay số tiền là 50.000.000 đồng. Đến hạn trả tiền đã thanh toán trả được số tiền là 32.000.000 đồng (trong đó thanh toán lần thứ nhất là 25.000.000 đồng, thanh toán lần sau 7.000.000 đồng), sau đó không trả nữa.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2023 ông Trần Minh T thừa nhận việc vợ chồng ông có thiếu nợ tiền của ông L và bà Á còn nợ là 25.000.000 đồng, ông T đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông L, bà Á mỗi tháng thanh toán 2.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu trả là ngày 01/10/2023 đến khi trả đủ số tiền còn nợ. Như vậy, căn cứ vào thừa nhận của bị đơn ông T còn nợ số tiền của vợ chồng ông L, bà Á là 25.000.000 đồng và lời trình bày của vợ chồng ông L, bà Á xác định tại phiên toà bị đơn ông T có thanh toán thêm 7.000.000 đồng, chỉ còn thiếu là 18.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 (quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) của Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Như vậy, việc vợ chồng ông T vay tiền của vợ chồng ông L, bà Á là sự thật và đến nay đã quá thời hạn mà vợ chồng ông T chưa trả đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á, buộc ông T trả số tiền 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa mở ngày 09/5/2025 và phiên toà ngày 27/5/2025 nguyên đơn ông L và bà Á rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền nợ còn lại là 18.000.000 đồng. Không yêu cầu ông Trần Minh K, Trần Minh N (Nhớ) cùng liên đới. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu liên đới trả tiền của ông Trần Minh K và Trần Minh N (Nhớ).

[4] *Án phí sơ thẩm*: Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Trần Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận là $18.000.000 \times 5\% = 900.000$ đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng theo biên lai thu số 0002453 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Trần Minh T.

Buộc ông Trần Minh T trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á số tiền là 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Trần Minh T không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á về việc buộc các con ông Trần Minh T là anh Trần Minh K và anh Trần Minh N (Nhớ) liên đới trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 900.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000 đồng theo biên lai thu số 0002453 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt ông Trần Minh T, anh Trần Minh K và anh Trần Minh N (N1) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phụng